

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH PHỐ
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2026

Số: 27 /QĐ-BCĐ

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026
của Ban chỉ đạo của thành phố về phát triển khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06**

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH PHỐ
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chương trình công tác số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐBCĐ-CP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ - Phó trưởng Ban Chỉ đạo tại Văn bản số 88/TTr-SKH-CN ngày 12/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo của thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các thành viên Ban Chỉ đạo của Thành phố, các Tổ Công tác giúp việc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: CA, NV, KHCN, XD;
- VPCP;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, PCT Hoàng Minh Cường;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng: VX, TH, XDCT, NC, NV&KTGS;
- Trung tâm Phục vụ HCC TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng.



CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Lê Ngọc Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH PHỐ
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYÊN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026
của Ban Chỉ đạo của thành phố về phát triển khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và Đề án 06
(Kèm theo Quyết định số 27 /QĐ-BCĐ ngày 15 tháng 3 năm 2026
của Trưởng Ban Chỉ đạo của thành phố)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

a) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, gắn phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyên đổi số (CDS) với tăng trưởng GRDP, năng suất lao động, hiệu quả quản trị đô thị, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

b) Tạo chuyển biến rõ rệt về chuyên đổi số liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị thành phố; đẩy mạnh chuyên đổi số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, cảng biển và logistics, tập trung vào các khâu then chốt nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

c) Xác định năm 2026 là năm chuyển trọng tâm từ hoàn thiện thể chế sang tổ chức thực hiện, giám sát, đo lường và đánh giá kết quả đầu ra, tập trung tạo chuyển biến thực chất trong phát triển KH-CN, ĐMST, CDS và Đề án 06, gắn với nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, cải cách hành chính, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng.

d) Thúc đẩy phát triển KH-CN và ĐMST theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và thị trường; phát huy hiệu quả hợp tác giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển đô thị thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo theo hướng có sản phẩm cụ thể, kết quả rõ ràng và khả năng nhân rộng trong thực tiễn.

đ) Huy động tối đa nguồn lực xã hội; giao các sở, ngành, địa phương chủ động xác định lĩnh vực ưu tiên, nâng cao trình độ và chuyển giao công nghệ, nhất là trong sản xuất, chế biến, chế tạo, công nghiệp và logistics, tạo động lực tăng

trưởng mới từ KHCN, ĐMST và CDS. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, chất lượng thực hiện; lấy kết quả làm căn cứ đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi chậm trễ; tăng cường phòng, chống lãng phí, tiêu cực, bảo đảm hiệu quả đầu tư ngay từ khâu phê duyệt và phân bổ nguồn lực.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đóng góp cho tăng trưởng

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP phấn đấu đạt 31%.
- Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GRDP phấn đấu đạt 17,5%.
- Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế phấn đấu đạt 50%.

b) Về chuyển đổi số quốc gia

(1) Chuyển đổi số các cơ quan hành chính nhà nước

- Về hạ tầng, nền tảng, dữ liệu số
 - + Mở rộng phủ sóng 5G đạt 85% dân số.
 - + 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được bố trí trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.
 - + 100% hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử (*đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước*) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc; Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử đạt 70% tại cấp tỉnh, 70% tại cấp xã.
- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến
 - + Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã) đạt tối thiểu 80%.
 - + Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn thành phố đạt tối thiểu 80%.
 - + Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.
 - + 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.
- Về phát triển kỹ năng số trong thực thi công vụ

- + 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số.
- + 50% cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Sở, ngành, địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.

(2) *Kinh tế số*

- 100% TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp DVC trực tuyến.

(3) *Xã hội số*

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVC trực tuyến đạt tối thiểu 95%;

- Triển khai chữ ký số miễn phí cho toàn dân trên ứng dụng VNeID.

d) Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) *Thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm công nghệ chiến lược*

- Thương mại hóa thành công tối thiểu 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược (*Chip bán dẫn, thiết bị mạng 5G, robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo, UAV...*).

(2) *Nâng cao hiệu quả quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo*

- 100% nhiệm vụ KHCN, ĐMST có sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, cập nhật kịp thời, đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (*đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, ...*), theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý KHCN, ĐMST.

(3) *Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử phục vụ thương mại hóa kết quả nghiên cứu*

- Hình thành tối thiểu 09 hạ tầng dùng chung (*phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở kiểm thử/đánh giá/chứng nhận...*), phục vụ phát triển công nghệ chiến lược.

(4) *Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo*

- Tăng 30% số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực KH, CN, ĐMST và CDS.

- Hình thành mới tối thiểu 1 - 3 doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) hình thành từ kết quả nghiên cứu của trường - viện trong năm 2026.

3. Yêu cầu

- Bám sát các chỉ tiêu, kế hoạch, chương trình của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương; các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình và kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy; các chỉ tiêu, kế hoạch, chương trình của Ủy ban nhân dân thành phố và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để triển khai hiệu quả công tác

phát triển KHCN, ĐMST, CDS, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh trên địa bàn thành phố.

- Bám sát thực tiễn, kế thừa và phát huy những kết quả đạt được, tạo đột phá về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh gắn với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Huy động các nguồn lực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp trong triển khai các nhiệm vụ về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh; các sở, ban, ngành, địa phương phải chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác phối hợp triển khai thực hiện.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Phụ lục I, Phụ lục II; Chương trình công tác năm 2026 số 01/CTr-BCĐ ngày 09/01/2026 của Ban Chỉ đạo Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các Văn bản liên quan; Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 23/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo Thành ủy thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đến hết năm 2025; Quyết định số 5256/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2026; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Ban Chỉ đạo của thành phố

1.1. Tổ chức chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì đúng theo tiến độ các nội dung, nhiệm vụ tại kế hoạch này và các kế hoạch về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh tại thành phố. Tham gia phối hợp thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

1.2. Chủ động lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương, định hướng và các giải pháp trong lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý, phụ trách.

1.3. Báo cáo Ban Chỉ đạo và Trưởng ban Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện

các nhiệm vụ được phân công theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo và phạm vi quản lý của Kế hoạch này. Kịp thời báo cáo những vấn đề phát sinh và kiến nghị, đề xuất giải pháp.

2. Tổ trưởng các Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo¹ theo nhiệm vụ được phân công kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã tập trung ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực để hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp năm 2026, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo các nội dung vượt thẩm quyền (nếu có).

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác phát triển KHCN, ĐMST, CDS, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh trên địa bàn, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

3.1. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, hoạt động về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh của thành phố, của địa phương.

3.2. Tổ chức tập huấn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng, Tổ Đề án 06 tại địa phương, mạng lưới chuyển đổi số tại địa phương; truyền thông nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số, khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt cho người dân; thường xuyên cập nhật và chia sẻ các “Mô hình chuyển đổi số tiêu biểu” đã triển khai thành công tại các địa phương khác để cấp xã học tập, nhân rộng.

3.3. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trên địa bàn theo quy định hiện hành; truyền thông nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn trên không gian mạng cho người dân.

4. Chế độ thông tin báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo yêu cầu, định kỳ báo cáo kết quả triển khai công tác phát triển KHCN, ĐMST, CDS, triển khai Đề án 06, cải cách hành chính và phát triển đô thị thông minh, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (*Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo*) trước ngày 20 của hàng tháng, báo cáo năm trước ngày 30/11/2026 để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối với các đơn vị đã được tạo tài khoản trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương (<https://theodoing.dcs.vn>), thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ lên Hệ thống theo yêu cầu của Trung ương.

¹ Quyết định số 5330/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn Ban chỉ đạo của thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Yêu cầu thành viên Ban Chỉ đạo chỉ đạo tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh bằng Văn bản (qua cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp), báo cáo Ban Chỉ đạo của thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2026

A. DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU

| TT | Chỉ tiêu | Kết quả | Cơ quan, đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Ghi chú |
|----------|--|---------|---|--|
| I | Chỉ tiêu theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo Chính phủ | | | |
| 1. | Tỉ lệ cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử | 100% | UBND cấp xã | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 2. | Tỉ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử | 100% | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 3. | Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử | | | |
| | <i>Cấp thành phố</i> | 70% | <i>Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố)</i> | <i>Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương</i> |
| | <i>Cấp xã</i> | 70% | <i>UBND cấp xã</i> | <i>Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương</i> |
| 4. | Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ, cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp thành phố, cấp xã) | ≥80% | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 5. | Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn thành phố | ≥80% | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 6. | Tỉ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần | ≥80% | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |

| TT | Chỉ tiêu | Kết quả | Cơ quan, đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Ghi chú |
|-----|---|------------|--|---|
| | cho cơ quan nhà nước | | công thành phố) | |
| 7. | Tỉ lệ TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp thành phố | 100% | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 8. | Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số | 100% | Sở Khoa học và Công nghệ | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 9. | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Sở, Ban, ngành, địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu | 50% | Sở Khoa học và Công nghệ | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 10. | Tỉ lệ TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch | 100% | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 11. | Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến | 95% | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| 12. | Thương mại hóa thành công sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược | 5 sản phẩm | Sở Khoa học và Công nghệ | Báo cáo định kỳ hàng tháng trên Hệ thống của Trung ương |
| II | Chỉ tiêu theo Chương trình hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo Thành ủy: gồm các chỉ tiêu được giao tại Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Chương trình số 01-CTr/BCĐ, ngày 09/01/2026 và các Văn bản liên quan) | | | |

B. BẢNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÀNH PHỐ ĐƯỢC GIAO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 11/QĐ-BCĐCP

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|----|---|---|--|--|----------------------------------|---------------------|--------------------|---|
| 1. | Tỉ lệ cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử | a) Rà soát, đầu tư trang thiết bị CNTT bảo đảm cán bộ cấp xã xử lý công việc trên môi trường điện tử b) Đề nghị cấp và triển khai chữ ký số cho cán bộ cấp xã; hướng dẫn, kiểm tra việc ký số hồ sơ, văn bản điện tử | a) Rà soát, đánh giá hiện trạng, xác định nhu cầu, xây dựng phương án, triển khai trang bị máy tính, kết nối mạng, phần mềm cần thiết bảo đảm cán bộ, công chức cấp xã xử lý công việc trên môi trường điện tử b) Rà soát nhu cầu, đề nghị cấp và triển khai sử dụng 100% chữ ký số cá nhân cho cán bộ, công chức cấp xã; hướng dẫn sử dụng, tổ chức ký số trong xử lý hồ sơ, văn bản điện tử; đồng thời kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện theo quy định | UBND cấp xã | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 100% | Báo cáo hàng tháng | - 100% cán bộ cấp xã được trang bị thiết bị làm việc đáp ứng yêu cầu số. - 100% cán bộ cấp xã được cấp và sử dụng chữ ký số cá nhân. - 100% công việc hành chính được xử lý trên môi trường điện tử, góp phần xây dựng chính quyền số, nền hành chính hiện đại, minh bạch |
| 2. | Tỉ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử | a) Triển khai hệ thống quản lý văn bản; bảo đảm 100% hồ sơ xử lý điện tử và ký số. b) Tăng cường kiểm tra, chuẩn hóa quy trình xử | a) Tổ chức triển khai, vận hành đồng bộ hệ thống quản lý văn bản và điều hành từ thành phố đến cấp xã; bảo đảm 100% hồ sơ công việc được tạo lập, tiếp nhận, trao đổi, xử lý và lưu trữ trên môi trường điện tử; thực hiện ký số đối với toàn bộ văn bản, | Văn phòng UBND thành phố (Công thông tin điện tử thành | Các Sở, ban, ngành thành phố | 100% | Báo cáo hàng tháng | - 100% hồ sơ công việc phát sinh tại cấp thành phố được tạo lập, xử lý, ký số và lưu trữ hoàn toàn trên môi trường điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều |

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|----|--|---|--|---|------------------------------|---------------------|--------------------|---|
| | | lý hồ sơ điện tử; gắn trách nhiệm người đứng đầu | hồ sơ trong quá trình xử lý và ban hành theo quy định b) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tạo lập, xử lý và lưu trữ hồ sơ điện tử; rà soát, chuẩn hóa quy trình xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử; gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện và bảo đảm tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử theo quy định | phố) | | | | hành. - 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử có ký số hợp lệ |
| 3. | Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử | | | | | | | |
| | Cấp thành phố | a) Triển khai đồng bộ Hệ thống quản lý văn bản; chuẩn hóa quy trình, ký số toàn bộ hồ sơ. b) Tăng cường kiểm tra, giám sát | a) Triển khai đồng bộ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; rà soát, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, xử lý, ban hành và lưu trữ văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; bảo đảm thực hiện ký số trong | Văn phòng UBND thành phố (Công thông tin điện tử thành phố) | Các Sở, ban, ngành thành phố | 70% | Báo cáo hàng tháng | - Đạt tối thiểu 70% văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, phê duyệt và lưu trữ hoàn toàn trên môi trường điện tử tại các cơ quan hành |

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|----|---|---|--|--|----------------------------------|---------------------|--------------------|--|
| | | <i>xử lý hồ sơ điện tử; đơn đốc xử lý toàn trình trên môi trường điện tử</i> | <i>toàn bộ quá trình xử lý theo quy định b) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tạo lập, tiếp nhận, xử lý và lưu trữ hồ sơ điện tử tại các cơ quan, đơn vị; đơn đốc thực hiện xử lý công việc, hồ sơ toàn trình trên môi trường điện tử theo quy định</i> | | | | | <i>chính nhà nước cấp thành phố. - Văn bản, hồ sơ được ký số và trao đổi điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành theo quy định</i> |
| | Cấp xã | a) Triển khai thống nhất Hệ thống quản lý văn bản; chuẩn hóa quy trình, thực hiện ký số hồ sơ. b) Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra xử lý văn bản, hồ sơ điện tử tại cấp xã | a) Triển khai, sử dụng thống nhất Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại các xã, phường, đặc khu; rà soát, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, xử lý và lưu trữ văn bản, hồ sơ công việc; bảo đảm thực hiện ký số trong toàn bộ quá trình xử lý trên môi trường điện tử theo quy định b) Tăng cường hướng dẫn, đơn đốc và kiểm tra việc tạo lập, tiếp nhận, xử lý, ký số và lưu trữ văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử tại cấp xã; bảo đảm thực hiện đúng quy trình và quy định về quản lý, xử lý văn bản điện tử | UBND cấp xã | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 70% | Báo cáo hàng tháng | - Đạt tối thiểu 70% văn bản, hồ sơ công việc tại cấp xã được tạo lập, xử lý, phê duyệt và lưu trữ hoàn toàn trên môi trường điện tử. - Văn bản, hồ sơ được ký số và trao đổi điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành theo quy định |
| 4. | Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực | Rà soát, đề nghị các bộ, ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến | Rà soát, đề nghị các bộ, ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đảm bảo theo quy định | Văn phòng UBND thành phố | Các Sở, ban, ngành thành | ≥80% | Báo cáo hàng tháng | - Đạt tối thiểu 80% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ |

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|----|---|---|--|--|---|---------------------|--------------------|--|
| | tuyên toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp thành phố, cấp xã) | toàn trình đảm bảo theo quy định | | (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | phố, UBND cấp xã | | | công trực tuyến toàn trình trên Công Dịch vụ công. - Người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ, thanh toán, nhận kết quả hoàn toàn trực tuyến đối với các thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình |
| 5. | Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các | Rà soát, tái cấu trúc thủ tục hành chính; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. | Rà soát, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quy định chi tiết; đẩy mạnh triển khai, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hoàn toàn trên môi trường điện tử. | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | ≥80% | Báo cáo hàng tháng | - Đạt tối thiểu 80% thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ, thanh toán và nhận kết quả trực |

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|----|--|---|---|--|---|---------------------|--------------------|---|
| | cấp chính quyền trên địa bàn thành phố | | | | | | | tuyển đổi với các thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình |
| 6. | Tỉ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước. | Rà soát, chuẩn hóa, số hóa hồ sơ thủ tục hành chính do địa phương quy định liên quan sản xuất, kinh doanh; kết nối, chia sẻ dữ liệu để tái sử dụng thông tin. | a) Rà soát, chuẩn hóa và số hóa dữ liệu, hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh địa phương quy định ; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước nhằm khai thác, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã có b) Triển khai thực hiện hiệu quả nguyên tắc “một lần khai báo”; tích hợp, kết nối và khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | ≥80% | Báo cáo hàng tháng | Đạt tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh được tái sử dụng |
| 7. | Tỉ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa | Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh | Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng thực hiện TTHC phi địa giới | Văn phòng UBND thành phố (Trung | Các Sở, ban, ngành thành phố | 100% | Báo cáo hàng tháng | Người dân, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ, theo dõi và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại |

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|----|---|--|--|--|----------------------------------|---------------------|--------------------|--|
| | giới hành chính trong phạm vi cấp thành phố | nghiệp sử dụng thực hiện TTHC phi địa giới. | | tâm Phục vụ Hành chính công (thành phố) | | | | trung tâm phục vụ hành chính công thành phố hoặc tại bất kỳ trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trong phạm vi thành phố |
| 8. | Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cấp thành phố | a) Xây dựng, triển khai đào tạo kỹ năng số; tập huấn sử dụng hệ thống thông tin, nền tảng số. b) Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng số trong thực thi nhiệm vụ | a) Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức các lớp tập huấn trực tiếp và trực tuyến về sử dụng hệ thống thông tin, nền tảng số và các ứng dụng phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử b) Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc việc ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng kỹ năng số trong thực thi nhiệm vụ; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin và nền tảng số phục vụ công việc | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 100% | Báo cáo hàng tháng | - 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp thành phố được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số theo chương trình, kế hoạch đã ban hành. - Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác nền tảng số và xử lý công việc trên môi trường điện tử trong cơ quan nhà nước |
| 9. | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm | a) Xây dựng kế hoạch đào tạo về quản trị, quản lý và khai thác dữ liệu số. | a) Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu số cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công tác quản lý, | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị | 50% | Báo cáo hàng tháng | - Tối thiểu 50% cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các |

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|-----|--|--|---|--|------------------------------|---------------------|--------------------|---|
| | chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Sở, Ban, ngành, địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu | b) Tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ học về quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành | điều hành và cung cấp dịch vụ công b) Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu hoặc cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu, phân tích và khai thác dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, điều hành và ra quyết định | | có liên quan | | | Sở, Ban, ngành, địa phương được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu. - Đội ngũ cán bộ có năng lực quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu số phục vụ công tác |
| 10. | Tỉ lệ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch | Rà soát, đề nghị các bộ, ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến đảm bảo tỷ lệ giao | Rà soát, đề nghị các bộ, ngành cung cấp dịch vụ công trực tuyến đảm bảo tỷ lệ giao | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Các Sở, ban, ngành thành phố | 100% | Báo cáo hàng tháng | - 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp và thực hiện trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. - Doanh nghiệp nộp hồ sơ, theo dõi xử lý và nhận kết quả trực tuyến một cách thông suốt, liền mạch |

| TT | Chỉ tiêu | Nhiệm vụ/ Giải pháp | Mô tả công việc | Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá và báo cáo | Đơn vị thực hiện/ phối hợp | KPI/ Chỉ số kết quả | Thời hạn | Kết quả/ Sản phẩm |
|-----|---|---|---|--|---|---------------------|--------------------|--|
| 11. | Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến | Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến | Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến | Văn phòng UBND thành phố (Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố) | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | 95% | Báo cáo hàng tháng | Đạt tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. |
| 12. | Thương mại hóa thành công sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược | a) Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược; thúc đẩy liên kết viện, trường và doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng công nghệ. b) Hỗ trợ tư vấn, kết nối nhằm thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm công nghệ | a) Tăng cường hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện công nghệ, sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược; thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. b) Triển khai các hoạt động hỗ trợ, tư vấn về sở hữu trí tuệ; tổ chức kết nối cung - cầu công nghệ; kết nối các startup với quỹ đầu tư, doanh nghiệp và chuyên gia nhằm thúc đẩy phát triển, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | 5 sản phẩm | Báo cáo hàng tháng | - Phân đầu có 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược được thương mại hóa, đưa ra vào sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp ra thị trường. - Các sản phẩm được chuyển giao công nghệ, ký kết hợp đồng sản xuất, kinh doanh hoặc đưa vào ứng dụng thực tế tại doanh nghiệp, tổ chức |

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NĂM 2026

| TT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả | Thời hạn | Ghi chú |
|----|--|---|---|--|---|--|
| 1. | Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | Các Sở, cơ quan: Tư pháp, Công an, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố | Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, có hiệu lực thi hành đồng bộ với hiệu lực thi hành của các Luật đã được Quốc hội thông qua | Thời hạn trình theo văn bản giao nhiệm vụ, các chỉ đạo của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ; thời hạn ban hành, có hiệu lực đồng bộ với Luật | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 2. | Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện phân bổ dự toán (ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) của các bộ, ngành, địa phương thuộc phạm vi phụ trách | Cơ quan tài chính các cấp | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ | Tình hình phân bổ dự toán được theo dõi, giám sát thường xuyên | Thường xuyên | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 3. | Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | Sở Tư pháp, Công an thành phố | Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời | Thường xuyên | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |



| TT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả | Thời hạn | Ghi chú |
|----|--|--|---|--|--------------|--|
| 4. | Ban hành bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | Công an thành phố; Sở Khoa học và Công nghệ | Bộ trường thông tin được ban hành | Quý II/2026 | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 5. | Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương đăng ký, xây dựng lộ trình và phương án chuyển dịch hạ tầng về Trung tâm dữ liệu quốc gia | Sở Khoa học và Công nghệ | Công an thành phố và các đơn vị liên quan | Các đơn vị hoàn thành đăng ký hạ tầng sử dụng tại Trung tâm dữ liệu quốc gia | Quý I/2026 | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 6. | Ban hành kiến trúc dữ liệu bộ, ngành, địa phương bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ | Sở Khoa học và Công nghệ | Công an thành phố và các đơn vị liên quan | Kiến trúc dữ liệu của các đơn vị được ban hành | Quý I/2026 | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 7. | Xây dựng phương án bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số”, kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06 | Sở Tài chính và các địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Phương án được trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; Triển khai hiệu quả nền tảng Bình dân học vụ số | 30/6/2026 | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 8. | Khẩn trương triển khai thực chất, có hiệu quả Chương trình Chính phủ số (tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày | Các Sở, ban, ngành | Các cơ quan có liên quan | Các hoạt động chuyển đổi số thực chất được ưu tiên triển khai đối với chuỗi giá | Thường xuyên | Theo Quyết định số 11/QĐ- |

| TT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả | Thời hạn | Ghi chú |
|-----|--|---|---|---|---|--|
| | 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ) và thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số, có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh | thành phố, UBND cấp xã | | trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao | | BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 9. | Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển. | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ | Chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển được ban hành; Ưu tiên sử dụng trong mua sắm công, tiến tới dần thay thế nhập khẩu, đặc biệt đối với các lĩnh vực đòi hỏi an toàn, bảo mật thông tin (ví dụ: với camera AI trong các dự án công...) | 31/3/2026 | Theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 |
| 10. | Đảm bảo việc đồng bộ kết quả giải quyết TTHC, tích hợp trên VneID Theo hướng dẫn của Bộ Công an | Công an thành phố | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã | Hoàn thành kết nối, tích hợp | Theo lộ trình của Bộ Công an | |
| 11. | Triển khai Học bạ số và văn bằng, chứng chỉ số trong giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, tích hợp trên ứng dụng VNeID | Sở Giáo dục và Đào tạo | Công an thành phố | Hoàn thành triển khai, tích hợp Học bạ số và văn bằng, chứng chỉ số trên ứng dụng VNeID | Khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo | |
| 12. | Tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng năng lực số theo các cấp độ phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời lồng ghép nội dung giáo dục công dân | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Đoàn thanh | Chương trình/ Kế hoạch đào tạo | Triển khai từ 2026, thực hiện thường xuyên | |

| TT | Tên nhiệm vụ | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả | Thời hạn | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------|--|--|---------------|---------|
| | số trong các hoạt động giáo dục và đào tạo, chương trình bồi dưỡng, tuyên truyền trong hệ thống chính trị theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo | | niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hải Phòng các đơn vị liên quan | | | |
| 13. | Triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng "bình dân học vụ số" | Sở Khoa học và Công nghệ | Công an thành phố và các đơn vị liên quan | Kế hoạch/ lớp học | Thường xuyên | |
| 14. | Hướng dẫn các cơ sở y tế kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID; bảo đảm công dân được tiếp cận, quản lý thông tin sức khỏe của bản thân an toàn, thuận tiện, liên tục | Sở Y tế | Công an thành phố | Hoàn thành kết nối, chia sẻ theo yêu cầu | Tháng 6/2026 | |
| 15. | Triển khai ứng dụng giải pháp để tìm kiếm và thanh toán giá dịch vụ trông giữ xe không sử dụng tiền mặt tại các bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố | Sở Xây dựng | Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan | Báo cáo kết quả triển khai | Thường xuyên | |
| 16. | Thực hiện Kế hoạch triển khai thu nhận mẫu ADN cho thân nhân của liệt sĩ chưa xác định được danh tính trên địa bàn thành phố | Công an thành phố | Sở Nội vụ; UBND cấp xã | Hoàn thành tiến độ theo Kế hoạch | Theo lộ trình | |

